TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 190/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 04 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2024 tranh chấp về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D, sinh năm 1985;

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D1, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ thường trú: Số C P, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Cùng địa chỉ tạm trú: Số F T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 14/02/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Mai Phúc A, sinh ngày 24/12/2014 và Nguyễn Phúc V, sinh ngày 10/10/2016. Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 thỏa thuận sau khi ly hôn:

Giao người con chung tên Nguyễn Mai Phúc A, sinh ngày 24/12/2014 cho bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, bà Kiều D không yêu cầu ông Đức D1 cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Mai Phúc A; ông Đức D1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao người con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 10/10/2016 cho ông Nguyễn Đức D1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đức D1 không yêu cầu bà Kiều D cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phúc V; bà Kiều D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 xác nhận ông bà không có nợ chung, không có nghĩa vụ dân sự chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Huỳnh Thị Kiều D và ông Nguyễn Đức D1 mỗi người chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà D tự nguyện chịu án phí thay cho ông D1 nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã tạm nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0036144 ngày 20 tháng 05 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà D 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa